

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tạm thời vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 28/TTr-STP ngày 27/3/2024 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 308/TTr-SNV ngày 29/3/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tạm thời vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: 14 vị trí.

*(Có phụ lục I kèm theo)*

2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp:

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: 6,67%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: 40%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 46,67%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 6,67%.

*(Có phụ lục II, III kèm theo)*

**Điều 2.** Ủy quyền cho Sở Tư pháp trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành và tình hình thực tế đơn vị, phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước; đồng thời, rà soát, cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời gian ủy quyền: kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến ngày 31/12/2024.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đã được phê duyệt tạm thời; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định. Bố trí viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức đảm bảo phù hợp với số lượng biên chế viên chức được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định. Hoàn thành việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm; đồng thời, tiếp tục cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục rà soát để kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy trong các đơn vị theo quy định pháp luật hiện hành làm cơ sở phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức.

d) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (nếu có) theo quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và quản lý, sử dụng biên chế viên chức của Sở Tư pháp theo đúng quy định. Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠM THỜI CỦA TRUNG TÂM**  
**TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC SỞ TƯ PHÁP**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (04 vị trí)</b>		
1	TGPL-LĐ-01	Giám đốc Trung tâm	
2	TGPL-LĐ-02	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	TGPL-LĐ-03	Trưởng phòng/Trưởng Chi nhánh	
4	TGPL-LĐ-04	Phó Trưởng phòng/Phó Trưởng Chi nhánh	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (05 vị trí)</b>		
5	TGPL-CN-01	Trợ giúp viên pháp lý hạng I	
6	TGPL-CN-02	Trợ giúp viên pháp lý hạng II	
7	TGPL-CN-03	Trợ giúp viên pháp lý hạng III	
8	TGPL-CN-04	Hỗ trợ nghiệp vụ hạng II	
9	TGPL-CN-05	Hỗ trợ nghiệp vụ hạng III	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (03 vị trí)</b>		
10	TGPL-CM-01	Kế toán viên	
11	TGPL-CM-02	Văn thư viên trung cấp	
12	TGPL-CM-03	Nhân viên Thủ quỹ	
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (02 vị trí)</b>		
1	TGPL-HT-01	Nhân viên Bảo vệ	
2	TGPL-HT-02	Nhân viên Phục vụ	

**Phụ lục II**

**CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TẠM THỜI  
THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ  
NHÀ NƯỚC TRỰC THUỘC SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NAM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>28</b>	
<b>I</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (04 VTVL)</b>			<b>13</b>	
1	TGPL-LĐ-01	Giám đốc Trung tâm		01	
2	TGPL-LĐ-02	Phó Giám đốc Trung tâm		02	
3	TGPL-LĐ-03	Trưởng phòng/Trưởng Chi nhánh		02	
4	TGPL-LĐ-04	Phó Trưởng phòng/Phó Trưởng Chi nhánh		08	
<b>II</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (05 VTVL)</b>			<b>13</b>	
5	TGPL-CN-01	Trợ giúp viên pháp lý hạng I	Hạng I	01	6.67%
6	TGPL-CN-02	Trợ giúp viên pháp lý hạng II	Hạng II	06	40%
7	TGPL-CN-03	Trợ giúp viên pháp lý hạng III	Hạng III	04	26.67%
8	TGPL-CN-04	Hỗ trợ nghiệp vụ hạng II	Tương đương hạng II	01	6.67%
9	TGPL-CN-05	Hỗ trợ nghiệp vụ hạng III	Tương đương hạng III	01	6.67%
<b>III</b>	<b>VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (03 VTVL)</b>			<b>02</b>	
10	TGPL-CM-01	Kế toán viên	Kế toán viên	01	6.67%
11	TGPL-CM-02	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	01	6.67%
12	TGPL-CM-03	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên		
<b>IV</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)</b>				
13	TGPL-HT-01	Nhân viên Bảo vệ			
14	TGPL-HT-02	Nhân viên Phục vụ			

**Phụ lục III**

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TẠM  
THỜI THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ  
NƯỚC TRỰC THUỘC SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NAM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương	01	6.67%
2	Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương	06	40%
3	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	07	46.67%
4	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	01	6.67%
<b>Tổng</b>		<b>15</b>	<b>100%</b>